

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 – 2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt.

Ông Nguyễn Ánh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 472/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/07/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/09/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T** - sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Số 108A/C1, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 22 đường số 8, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Mai Hữu T1** - sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 108A/C1, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Hữu T1 tự nguyện yêu thương nhau khoảng 01 năm sau đó đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/7/2006. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn chị và anh T1 sống chung tại địa chỉ số 108A/C1, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (đất của cha mẹ chị cho). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng vào năm 2013,

nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T1 ham mê cờ bạc chủ yếu chơi số đề, cộng thêm cá độ bóng đá, gây nợ nần nhiều cho gia đình, khi hai vợ chồng còn ở chung chị là người gánh trả hết nợ cho anh T1. Ngoài ra anh còn ham mê rượu chè, tụ tập bạn bè và vũ phu đánh đập chị nhiều lần bầm tím người, cầm dao dí cổ chị, nhiều lần chị muốn báo công an tuy nhiên nếu chị cầm điện thoại lên sẽ bị anh T1 đập nát. Đến năm 2014 do mâu thuẫn trầm trọng hai vợ chồng sống ly thân chị chuyển ra nhà trọ ở tại ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai còn anh T1 vẫn ở tại địa chỉ cũ, từ khi ly thân hai vợ chồng ít khi qua lại, chỉ qua lại vì nghĩa vụ đối với con cái. Thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng, do chị không còn ý thức muốn quay về với chồng nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị đã cho anh T1 rất nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh T1 không thay đổi tính tình, chứng nào tật nấy. Khi ly thân hai vợ chồng độc lập về tài chính, tự lo cho bản thân, không liên hệ với nhau, thỉnh thoảng chị về thăm con. Khi chị về anh T1 không thể đánh được chị nên quậy phá quán nhà mẹ chị, thậm chí chị phải báo công an tuy nhiên công an chỉ đến hòa giải không lập biên bản giải quyết. Từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị vẫn thường xuyên đến thăm nom con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Hữu T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/01/2007 và cháu Mai Hữu T2, sinh ngày 24/11/2011. Khi ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị sẽ thăm nom và chăm sóc con trong điều kiện của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Mai Hữu T1:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2022 bị đơn anh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T quen biết tìm hiểu khoảng 02 năm và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 19/7/2006.

Sau khi kết hôn anh và chị T sống chung tại địa chỉ số 108A/C1, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (đất của cha mẹ chị T cho). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến khoảng năm 2014, anh không hiểu lý do vì sao chị T tự ý bỏ nhà đi cho đến nay. Từ đó chị không chu cấp tiền để nuôi con. Chị T ít khi về nhà, bỏ bê con cái không quan tâm gì đến gia đình. Khi chị T bỏ đi anh đã rất nhiều lần khuyên răn chị T về nhà sống để cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên chị T vẫn bỏ mặc không quan tâm cuộc sống của anh và các con. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị T không quan tâm đến con, suốt mấy năm trời chỉ thỉnh thoảng chị T mới về nhà nhưng không chu cấp tiền cho anh nuôi con, một mình anh phải lo cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy các con.

Nay chị T nộp đơn yêu cầu xin ly hôn anh không đồng ý do vẫn còn yêu thương vợ, một phần nữa do con cái còn nhỏ anh mong muốn cho các con một gia đình đầy đủ cả cha cả mẹ. Anh mong muốn chị T quay về cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/01/2007 và cháu Mai Hữu T2, sinh ngày 24/11/2011. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm xây dựng thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10 triệu đồng. Ngoài ra có bà ngoại (mẹ vợ) nhà ở sát bên phụ giúp anh việc chăm lo cho các con cho anh đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Mai Hữu T1; Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/01/2007 và cháu Mai Hữu T2, sinh ngày 24/11/2011 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Nguyễn Thị Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Mai Hữu T1 hiện đang cư trú tại Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Hữu T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/7/2006. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T, anh T1 là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T trình bày thời gian vợ chồng chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014. Vợ chồng thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống hôn nhân, anh T1 cờ bạc dẫn đến nợ, còn đánh chị, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T phải bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Anh T1 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, không rõ lý do chị T bỏ nhà ra đi, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị T. Tuy nhiên anh cũng thừa nhận thời gian vợ chồng ly thân anh đã nhiều lần khuyên nhủ chị T về chung sống nhưng không được. Qua xác minh của người thân của anh chị cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thiếu sự quan tâm, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Gia đình hai bên nội ngoại đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy anh T1, chị T đều có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị T và anh T1 chung sống có 01 (một) con chung là cháu Mai Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/01/2007 và cháu Mai Hữu T2, sinh ngày 24/11/2011, hiện đang do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh T1 cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con nếu tòa án giải quyết ly hôn.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị T anh T1 xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân các con đều do anh T1 nuôi dưỡng. Chị T đi làm xa thỉnh thoảng mới về thăm con, tuy nhiên chị cũng có mẹ ruột sống gần nhà và phụ giúp anh T1 chăm sóc các con của anh chị. Hiện cháu Q và cháu T2 chưa tròn 18 tuổi và đều có nguyện vọng sống cùng với ba. Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu chị T sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T

thay đổi ý kiến, thống nhất giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Do vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung nhằm đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, vì vậy việc giao 2 con chung cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Mai Hữu T1.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Mai Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/01/2007 và cháu Mai Hữu T2, sinh ngày 24/11/2011 cho anh T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Phương T do anh Mai Hữu T1 không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Phương T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008846 ngày 19/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Mai Hữu T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 35/KH quyền số 01/2006 ngày 19/7/2006);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Kiều Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

